

Số: 4377 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 16 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/1/2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế mẫu về quản lý sử dụng Quỹ phát triển đất; Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phát triển đất Nghệ An; Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 11/10/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 71/2010/QĐ-UBND ngày 24/9/2010 của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4440/STC-QLG&CS ngày 09/11/2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An.

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ phát triển đất Nghệ An và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KT (TP, Hòa).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Hồng Vinh

**ĐIỀU LỆ****Tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất Nghệ An**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4377/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Điều lệ này quy định về vị trí, chức năng, nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển đất Nghệ An (sau đây viết tắt là Quỹ).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy chế này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Quỹ.

**Điều 3. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ**

1. Tên gọi của Quỹ: Quỹ phát triển đất Nghệ An.
2. Địa chỉ trụ sở Quỹ: do UBND tỉnh quyết định, trước mắt đặt tại Trụ sở Sở Tài chính tỉnh Nghệ An.
3. Vốn điều lệ: do ngân sách Nhà nước cấp ban đầu cho Quỹ tối thiểu là 200 tỷ đồng.

**Điều 4. Vị trí, chức năng và nguyên tắc hoạt động**

1. Quỹ là tổ chức tài chính nhà nước, trực thuộc UBND tỉnh Nghệ An; hoạt động theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên. Quỹ có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và các tổ chức tín dụng để hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn, bù đắp chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động và không vì mục đích lợi nhuận.
3. Việc sử dụng Quỹ phải đúng mục đích, công khai, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với quy định của pháp luật.

**Chương II****NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ**

1. Tiếp nhận nguồn vốn từ ngân sách nhà nước phân bổ khi bắt đầu thành lập và bổ sung định kỳ hàng năm; tiếp nhận các nguồn vốn khác gồm: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ hoặc ủy thác quản lý của các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá

nhân trong nước và ngoài nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ, ủy thác theo quy định của pháp luật.

2. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đầu tư giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao để đầu tư giá; ứng vốn cho ngân sách nhà nước (qua Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) để chi tạm ứng cho các công trình, dự án có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn đề GPMB trong khi chưa được bố trí vốn kịp thời theo tiến độ thực hiện thu hồi vốn đã ứng theo quy định.

3. Báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ, thu hồi vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí hỗ trợ.

4. Quản lý vốn và tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.

5. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, kế toán, kiểm toán và các quy định khác liên quan đến hoạt động của Quỹ.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

#### **Điều 6. Quyền hạn của Quỹ**

1. Tổ chức quản lý, điều hành Quỹ hoạt động theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.

2. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo Quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Điều lệ này; thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tham gia kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án, đề án đã được Quỹ ứng vốn hoặc hỗ trợ.

4. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng được ứng vốn, được chi hỗ trợ từ Quỹ.

5. Ban hành Quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động Quỹ.

### **Chương III**

## **CƠ CẤU TỔ CHỨC**

#### **Điều 7. Hội đồng quản lý Quỹ**

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 7 thành viên, gồm có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- b) Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý quỹ kiêm Giám đốc Quỹ.
- c) Các thành viên khác là lãnh đạo các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng nhà nước tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Riêng Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ kiêm Giám đốc Quỹ hoạt động theo chế độ chuyên trách.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số, trong trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ họp định kỳ để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Hội đồng quản lý Quỹ họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách trong trường hợp cần thiết.

Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng tham dự. Nội dung và kết luận các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ đều phải được ghi thành biên bản hoặc nghị quyết và được gửi đến tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

### 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

- a) Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách cấp và các nguồn vốn khác giao cho Quỹ theo quy định của pháp luật.
- b) Được sử dụng con dấu của Quỹ và bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ để thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ.
- c) Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ.
- d) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát.
- đ) Thông qua kế hoạch tài chính và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.
- e) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền.
- g) Thẩm quyền quyết định mức ứng vốn:
  - Mức vốn ứng cho một dự án nhỏ hơn hoặc bằng 20 (hai mươi) tỷ đồng do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.
  - Mức vốn ứng cho một dự án lớn hơn 20 (hai mươi) tỷ đồng, Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

h) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, tiền thưởng theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.

i) Căn cứ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các đơn vị nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ.

k) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

### **Điều 8. Ban kiểm soát Quỹ**

1. Ban kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, gồm: Trưởng ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; Phó Trưởng ban kiểm soát và thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát Quỹ.

Các thành viên Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không được là vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua và tổ chức triển khai thực hiện.

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ và người có thẩm quyền về kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị biện pháp xử lý.

3. Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên của Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát uỷ quyền được tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành nghiệp vụ Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bõ

qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ cho phép.

Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban kiểm soát, Trưởng ban kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban kiểm soát và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt, Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền cho Phó Trưởng Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát.

### **Điều 9. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ**

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có 10 biên chế viên chức, gồm: Giám đốc, Phó giám đốc, kế toán trưởng và bộ phận nghiệp vụ làm việc theo chế độ chuyên viên. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách.

a) Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Phó giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng do Giám đốc Quỹ đề nghị, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm;

c) Bộ phận nghiệp vụ quỹ: làm việc theo chế độ chuyên viên.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Giám đốc Quỹ:

- Xây dựng phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm của Quỹ, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

- Tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ, các chương trình, kế hoạch và quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

- Thực hiện ứng vốn và thực hiện chi hỗ trợ theo quyết định của UBND tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ;

- Báo cáo định kỳ 06 tháng và đột xuất về tình hình tiếp nhận vốn, ứng vốn, chi hỗ trợ và các hoạt động khác của Quỹ với Hội đồng quản lý Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền quy chế làm việc và các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ;

- Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó giám đốc, Kế toán trưởng;

- Quản lý, sử dụng vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Quỹ theo quy định tại Điều lệ của Quỹ và các quy định của pháp luật;

b) Phó giám đốc Quỹ thực hiện các nhiệm vụ theo sự phân công của Giám đốc Quỹ và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và pháp luật về những nhiệm vụ đã được phân công. Trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, Giám đốc Quỹ ủy quyền cho Phó Giám đốc Quỹ thực hiện nhiệm vụ của Giám đốc Quỹ;

c) Kế toán trưởng Quỹ có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán;

d) Bộ phận nghiệp vụ quỹ có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

#### **Chương IV**

### **CƠ CHẾ TÀI CHÍNH**

#### **Điều 10. Nguồn thu của Quỹ**

1. Nguồn thu của Quỹ bao gồm:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Quỹ theo cơ chế áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu, tự đảm bảo một phần chi thường xuyên;

b) Phí ứng vốn theo quy định;

c) Lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (nếu có);

d) Nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ;

đ) Các nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn thu của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm nguồn vốn hoạt động Nhà nước cấp cho Quỹ.

#### **Điều 11. Nội dung chi**

1. Nội dung chi của Quỹ bao gồm:

a) Chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp và văn bản hướng dẫn thực hiện, bao gồm chi cho cán bộ kiêm nhiệm làm việc cho Quỹ theo chế độ quy định;

b) Chi không thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức; đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các nhiệm vụ đột xuất do UBND tỉnh giao và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật;

c) Hàng quý và cuối năm, sau khi trang trải các khoản chi phí, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi để trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được chi trả thu nhập tăng thêm và trích các quỹ khác theo quy định của pháp luật đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Nội dung chi của Quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm các nội dung chi ứng vốn và hỗ trợ.

## **Điều 12. Chế độ kế toán, kiểm toán**

1. Quỹ tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê, báo cáo theo đúng các quy định của pháp luật. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Việc thực hiện kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ theo quy định của pháp luật.

## **Điều 13. Trình tự, thủ tục ứng vốn và chi hỗ trợ**

1. Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu ứng vốn của các tổ chức được giao nhiệm vụ tại Khoản 2 Điều 5 của Điều lệ này và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch ứng vốn cho các dự án, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch ứng vốn năm theo nguyên tắc: Chỉ giao tổng nguồn ứng vốn, danh mục các dự án ứng vốn, không giao mức vốn ứng cụ thể cho từng dự án. Mức ứng vốn cụ thể cho từng dự án do cấp có thẩm quyền tại Điều 7 của Điều lệ này quyết định trên cơ sở tiến độ thực hiện, nhu cầu vốn của các dự án và nguồn vốn chủ sở hữu thực có của Quỹ.

2. Hồ sơ đề nghị ứng vốn

a) Công văn đề nghị ứng vốn của các tổ chức ứng vốn;

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư hoặc báo cáo đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Văn bản kế hoạch hoặc chủ trương đầu tư giá quyền sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Phương án sử dụng vốn ứng, chi tạm ứng và hoàn trả vốn ứng;

e) Các văn bản tài liệu khác có liên quan.

3. Căn cứ hồ sơ đề nghị ứng vốn do các tổ chức gửi đến, nếu hồ sơ hợp lệ, đảm bảo theo quy định thì Quỹ thực hiện ký hợp đồng cho ứng vốn và lập thủ tục ứng vốn; chuyển vốn ứng vào tài khoản của đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước trong thời hạn không quá 7 (bảy) ngày làm việc. Trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thì sau khi có chấp thuận của Chủ tịch UBND tỉnh, Quỹ tiến hành ký hợp đồng ứng vốn.

4. Hợp đồng ứng vốn: Hợp đồng ứng vốn được lập theo quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, bao gồm các nội dung sau:

a) Thông tin pháp lý người đại diện của Quỹ và bên ứng vốn;

b) Mục đích, đối tượng, phạm vi ứng vốn;

c) Giá trị, thời hạn ứng vốn, thời hạn hoàn trả vốn, phí ứng vốn (nếu có) và thanh toán phí ứng vốn;

d) Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên;

đ) Hiệu lực hợp đồng và xử lý các tranh chấp phát sinh và thực hiện các nội dung khác liên quan.



**Điều 14. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ; Phí ứng vốn**

Thực hiện theo Quy chế Quản lý, sử dụng Quỹ do UBND tỉnh ban hành.

**Chương V****XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ****Điều 15. Giải quyết tranh chấp**

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được giải quyết theo pháp luật hiện hành.

**Điều 16. Tổ chức lại, giải thể bộ máy**

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ phát triển đất do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Chương VI****ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 17. Tổ chức thực hiện**

1. Chủ sở hữu, Hội đồng quản lý Quỹ, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Quỹ phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

**Điều 18. Áp dụng và sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Nghệ An. Các tổ chức cá nhân có liên quan đến Quỹ phát triển đất có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung, Quỹ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo bằng văn bản về Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (qua Sở Tài chính) để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./

*Đ*